

Name:
Date: .../.../20...
Class: S4
Tel: 034 200 9294



Gram & Vocab:
Writing:
Mini Test:

Happy vacation

- ❖ **Lưu ý:** Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chú thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1 dòng** để ghi nhớ nhé.

A. VOCABULARY

No.	Words	Meaning	No.	Words	Meaning
1	passport (n)	hộ chiếu	6	luggage (n)	hành lý
2	sunscreen (n)	kem chống nắng	7	cash (n)	tiền mặt
3	swimsuit (n)	đồ bơi	8	shampoo (n)	dầu gội đầu
4	sweater (n)	áo len	9	medicine (n)	thuốc
5	trainers (n)	giày thể thao	10	flip-flops (n)	dép tông

❖ **Note:** n = noun: danh từ

❖ **Con học thuộc nghĩa** của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.

B. WRITING

Topic: What would you bring on your vacation? Why? (Write 50-60 words)

- *Ex: I would bring a swimsuit because I'm going to the beach.*
- *I won't bring any sweaters since the weather is hot.*

C. HOMEWORK

I. Circle the correct answer.

0. You (**should** / **mustn't**) eat junk food every day.
1. The cat (**was** / **were**) sleeping on the couch when I (**walking** / **walked**) in the room.
2. She (**have** / **has**) never (**try** / **tried**) sushi before.
3. He (**was** / **were**) studying for his exam when the phone (**rang** / **ring**).
4. We (**should** / **mustn't**) forget to turn off the lights before leaving the house.
5. We (**have travelled** / **has travelled**) outside the country.

II. Write the correct words.

0.



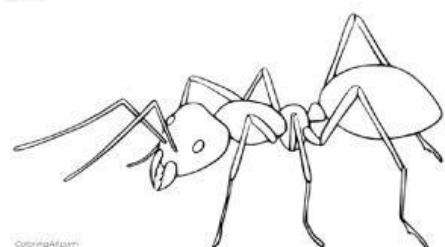
conservationist

1.



l_____ f_____

3.



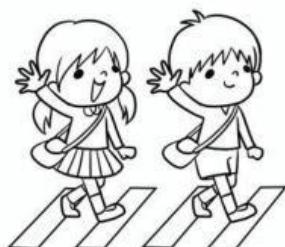
d_____ a_____



k_____



g_____ p_____



z_____ c_____

III. Write the correct word form using PRESENT CONTINUOUS FOR FUTURE MEANING.

(Con không sử dụng dạng viết tắt của các trợ động từ ở thể phủ định.)

0. She is going (go) to go to the university next year.
1. What _____ (you/do) for your birthday party next week?
2. We _____ (not/have) a big party like last year.
3. I _____ (take) the train to Paris tomorrow.
4. They _____ (move) to a new house next month.
5. Mum and I _____ (make) some food and drinks.

IV. Re-arrange the sentences.

0. went / Australia / They / to / last year.

→ They went to Australia last year.

1. to reach / We / travel by air / faster. / decided to / our destination

→ _____

2. in spring. / The weather / usually / mild / is

→ _____

3. in thick snow. / covered / The blizzard / the town

→ _____

4. wind / leaves / off the trees. / blew / The blustery

→ _____

5. as the rain / She looked / glumly / out the window / fell down.

→ _____

MINI TEST

I. Fill in the blank.

0. The weather is hot and humid.

1. Paraio has many famous buildings and museums.

2. Beijing has a long history with lots of interesting customs (*tục lệ*).

3. The lion stood up to its prey, ready to strike.

4. The beauty of the waterfall was breathtaking (*ngoạn mục*).

5. Learning about different cultures is fun when you travel.

❖ **Lưu ý:** Với những từ con không nhớ và viết sai, con chép từ đó vào vở 1 dòng.

II. Circle the correct answer.

0. I have visited / has visited Dubai.

1. Lina has never tried / tries pizzas, but she wanted to.

2. We have finished / have finishes our homework early.

3. You have seen / have saw that movie already.

4. I has read / was reading a book when my friend knock / knocked on the door.

5. The children was watching / has watched TV when the power go / went out.

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo. Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát a!



MINI TEST

I. Fill in the blank.

0. The weather is hot and humid.

1. Learning about different cultures is fun when you travel.

2. Briing has a long history with lots of interesting customs (*tục lệ*).

3. Pris has many famous buildings and museums.

4. The height of the waterfall was breathtaking (*ngoạn mục*).

5. The lion reshea its prey, ready to strike.

II. Circle the correct answer.

0. I have visited / has visited Dubai.

1. She has tried / tries sushi and really liked it.

2. They have seen / seen a jet in the sky.

3. He has learned / learns to play the guitar.

4. I has read / was reading a book when my friend knock / knocked on the door.

5. They have completed / have complete the project ahead of schedule.

❖ **Lưu ý:** Với những từ con không nhớ và viết sai, con chép từ đó vào **1 dòng**.

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo. Mọi bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát a!

